TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày: 02-5-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm tại điểm cầu trung tâm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Bình Trọng
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Ức Trai;
2. Ông Bùi Quang Hùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Ngọc L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm tại phiên tòa: Ông Lù Xuân Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai mở phiên tòa trực tuyến xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

H V D, tên gọi khác: Không, sinh ngày: 06 tháng 6 năm 1983 tại xã N, huyện Y, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Bản P B, xã N, huyện Y, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ đảng, đoàn thể: Không; Con ông H V L sinh năm 1947, con bà H T V sinh năm 1948 (đã chết); vợ là L T B sinh năm 1990, trú tại Bản P B, xã N, huyện Y, tỉnh Lào Cai và có 03 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/10/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phòng trực tuyến Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Tại điểm cầu trung tâm của phiên tòa trực tuyến:

+ Người làm chứng:

1. Anh B T L sinh năm 1969; nơi cư trú: Phòng 12A, Phòng X, chung cư Z, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. - Có mặt.

2. Anh M V C, sinh năm 1980; nơi cư trú: Bản N K, xã N , huyện Y, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

3. Anh T V D, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn T N, xã L G, huyện V Y, tỉnh Yên Bái - Có mặt.

4. Anh L V C, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn T T, xã L G, huyện V Y,

tỉnh Yên Bái - Có mặt

5. Chị L T B, sinh năm 1990; nơi cư trú: Bản P B, xã N, huyện Y, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

+ Những người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu trung tâm: Anh Nguyễn Đình Trường, anh Sùng Giả - Là cán bộ Công an huyện S, tỉnh Lào Cai (đều có mặt).

- **Tại điểm cầu thành phần** (Phòng trực tuyến Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện S, tỉnh Lào Cai):

+ Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai giúp việc cho Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại điểm cầu Trung tâm: Bà Dương Thị Hồng Luận.

+ Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai hỗ trợ tổ chức phiên tòa trực tuyến: Bà Nguyễn Thị Huyền.

+ Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp ý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt.

+ Những người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần: Anh Giàng Chẩn Thành (tổ trưởng), anh Quách Ngọc Ánh - Là cán bộ Công an huyện S, tỉnh Lào Cai; anh anh Giàng Seo Viển, anh Tải Xuân Đức - Là chiến sỹ nghĩa vụ Công an huyện S, tỉnh Lào Cai (đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 15 phút ngày 23/10/2023 tổ công tác thuộc Đồn biên phòng S đang tuần tra, kiểm soát đoạn đường biên giới thuộc khu vực tổ dân phố N C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai phát hiện có tiếng nổ đã đến hiện trường để kiểm tra, phát hiện 03 đối tượng gồm M V C, T V D và L V C đang dọn dẹp hiện trường. Tổ công tác đã tạm giữ 01 túi nilon màu trắng sọc đỏ, bên trong túi chứa nhiều hạt nhỏ hình tròn màu trắng, 01 cuộn dây điện và triệu tập H V D đến để làm việc. Tại đây D tự giác giao nộp: 02 túi nilon trong suốt, bên trong mỗi túi chứa 25 ống kim loại hình trụ tròn, màu bạc, mỗi một ống kim loại hình trụ tròn có một đầu được gắn với dây dẫn, 01 can nhựa màu vàng loại 05 lít bên trong chứa chất lỏng màu trắng, 01 bình ắc quy; thu giữ của D 01 điện thoại OPPO A15S màu đen, của T V D 01 điện thoại VIVO V2026 màu xanh; của M V C 01 điện thoại di động OPPO A3S mầu đỏ.

Tại Bản kết luận giám định số 81/KL-KTHS ngày 29/10/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- 01 (một) túi nilon màu trắng sọc đỏ, bên trong túi chứa nhiều hạt nhỏ hình tròn màu trắng, có mùi dầu đều là thuốc nổ tự chế (dạng thuốc nổ Anfo) thuộc nhóm vật liệu nổ, thường được dùng để khai khoáng, mở đường ... và vẫn còn sử dụng được. Khối lượng thuốc nổ là 0,64 kg.

- 02 túi nilon trong suốt, bên trong mỗi túi chứa 25 ống kim loại hình trụ tròn, màu bạc; mỗi một ống kim loại hình trụ tròn có một đầu được gắn với dây dẫn đều là kíp nổ điện vỏ nhôm, thuộc nhóm vật liệu nổ vẫn còn sử dụng được. Kíp nổ có tác dụng kích nổ thuốc nổ.

- 01 can nhựa màu vàng dung tích 05 lít, bên trong chứa 2,5 lít chất lỏng màu trắng có mùi dầu là dầu Diesel thường được dùng trực tiếp để trộn với Amoni Nitrat (NH4 NO3) để tạo ra thuốc nổ tự chế (dạng thuốc nổ Anfo) được dùng trong khai khoáng, mở đường .....

- 01 cuộn dây bằng nhựa, lõi đồng được quấn quanh một ống nhựa hình trụ là dây dẫn điện loại 01 (một) lõi, thường được dùng để nối với nguồn điện hoặc ắc quy để kích nổ kíp nổ.

Quá trình điều tra H V D khai nhận do có quen biết B T L (L là cán bộ công an huyện B X), ngày 11/9/2023 L gọi điện cho D nói L ký kết hợp đồng giao khoán công trình nâng cấp đường liên xã từ thị trấn S đi xã N S đến của khẩu H C P, huyện S, tỉnh Lào Cai) với Công ty TNHH MTV xây dựng ATK bảo D đi làm cho L, công việc là dùng máy khoan, bột nở để phá đá được L trả công 15.000.000 đồng/01 tháng, D đồng ý sau đó L Thuê T V D, L V C cùng đi làm cho L và trả công cho D1 6.000.000 đồng/01 tháng, trả công cho Ch là 200.000 đồng/01 ngày công. Ngày 17/9/2023 L đưa D đến công trình, hôm đó cũng có D1 và Ch đến để đi làm. L Thuê lán của anh Lèng Văn Thưởng ở tổ dân phố N C, thị trấn S, huyện S để công nhân ở và giao cho D làm tổ trưởng chịu trách nhiệm chấm công, quản lý và giao việc cho mọi người. Sau đó ngày 25/9/2023 có thêm M V C được L thuê để đến làm cùng và trả 250.000 đồng/01 ngày công. Quá trình thi công tại công trình gặp phải phần đá âm, bột nở không phá được. Theo như một số tài liệu thì D gọi điện cho L báo cáo tình hình, L bảo sẽ gửi đạm Ure và kíp nổ vào, đồng thời hướng dẫn D cách pha trộn để tạo thành thuốc nổ. Ngày 13/10/2023 L gửi xe khách biển kiểm soát 24F - 000.22 của nhà xe Liên Trịnh vào cho D 01 cuộn dây điện; đến ngày 17/10/2023 L gọi điện cho D hỏi có ăn cá khô không, D bảo có thì L gửi vào. Chiều tối ngày 17/10/2023 L gửi xe khách nhà xe Liên Trịnh cho D 01 bao tải xác rắn lái xe tên là L V H, sinh năm 1987, trú tại số nhà 465, Đường L T, phường B C, thành phố L C bảo D đúng 08 giờ sáng ngày 18/10/2023 đón xe ở thị trấn S để nhận hàng. Khoảng hơn 08 giờ ngày 18/10/2023 D một mình đi nhận hàng khi đi về đến công trường, lúc này có C, D1, Ch đang ở đó, D lấy túi cá khô từ trong bao tải mở ra xem thấy bên trong có bọc nilon màu đen, xung quanh quấn bằng băng dính, D bóc băng dính rồi xé một góc túi nilon ra thấy kíp nổ, lúc này C, D1 hỏi cái gì thì D bảo "cái ấy" và không nói gì thêm. Sau đó D cho vào bao tải rồi đi về lán lấy bọc kíp nổ ra đếm được 54 chiếc kíp nổ; 01 túi nilon màu trắng chứa khoản 03kg đạm Ure. D cất giấu số kíp nổ vào chiếc thùng nhựa để ở góc bếp, còn số đạm Ure cất vào góc bếp rồi lấy 01 tấm tôn đậy lên trên. Ngày 18/10/2023 quá trình thi công gặp phải khu vực đá âm không thể dùng bột nở để phá được, khoảng 11 giờ D một mình về lán lấy khoảng 1,2 kg đạm trộn với dầu Diesel tạo thành thuốc nổ và lấy 02 chiếc kíp nổ điện, bình ắc quy 12V và 01 cuộn dây điện đem lên công trường và chia đôi số thuốc nổ trên nhồi vào 02 lỗ đã được khoan sẵn, tra mỗi lỗ 01 chiếc kíp nổ, lấy đất lấp miệng lỗ, đấu hai đầu dây điện với 02 kíp nổ điện và phân công C, D1, Ch đi gác đường còn D đấu hai đầu dây điện còn lại vào bình ắc quy cho chập điện để kích nổ mìn phá đá.

Đến chiều ngày 23/10/2023 khi thi công gặp phần đá âm không dùng bột nở được, D tiếp tục lấy 02 kíp điện và 1,8 kg đạm Ure còn lại trộn với dầu Diesel mang

lên công trường và lấy khoảng 1,2 kg thuốc nổ vừa chế tạo chia làm 02 phần nhồi vào 02 lỗ khoan, tra mỗi lỗ 01 kíp nổ, rồi phân công C, D1, Ch đi gác đường, còn D ở lại cho chập điện kích nổ. Sau khi nổ mìn xong, D để số thuốc nổ tự chế còn lại và 01 cuộn dây điện ở công trường, mang bình ắc quy về trước, còn C, D1, Ch ở lại dọn dẹp thì bị tổ công tác Đồn biên phòng S phát hiện thu giữ tại hiện trường 0,64 kg thuốc nổ tự chế, 01 cuộn dây điện. Tổ công tác đưa các đối tượng về Trạm kiểm soát H C P thuộc Đồn biên phòng S lập biên bản và niêm phong vật chứng theo quy định. Quá trình điều tra, H V D đã thay đổi lời khai về việc sáng ngày 18/10/2023, D đi ra thị trấn S lấy 03kg đạm Ure và 54 kíp nổ do L gửi đem về lán cất giấu và hướng dẫn C trộn đạm với dầu Diesel tạo thành thuốc nổ, ngày 18/10/2023 C là người trực tiếp thực hiện việc nổ mìn phá đá, D không có mặt tại công trường; ngày 23/10/2023 Cgọi D về đi gác đường cùng với D1 và Ch để cho Cnổ mìn. Còn M V C khai ngày 18/10/2023 và ngày 23/10/2023, D đều có mặt tại công trường phân công C, D1, Ch đi gác đường để cho D thực hiện việc nổ mìn. Ngày 22/12/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa D và Cnhưng không làm rõ được, việc D thay đổi lời khai là không có căn cứ. Tại phiên tòa bị cáo nói lời sau cùng là do hoàn cảnh gia đình khó khăn, phạm tội do thiếu hiểu biết, con bị cáo còn nhỏ dại, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

Về vật chứng:

- 50 chiếc kíp nổ vỏ nhôm; 01 cuộn dây điện vỏ nhựa, lõi đồng; 02 loại vật chứng này Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lào Cai hiện gửi giữ tại Kho K10 Phòng kỹ thuật, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai (theo biên bản giao nhận ngày 31/10/2023);

- 01 bình ắc quy loại 12V; 01 thùng nhựa màu xanh; 01 can nhựa màu vàng, dung tích 05 lít, bên trong có chứa 2,5 lít dầu Diesel; Các túi nilon màu trắng; 01 điện thoại di động cảm ứng OPPO A15s, mầu đen đã qua sử dụng, thân máy có nhiều vết xước tạm giữ của H V D, trong có 01 thẻ sim của nhà mạng Vietel có số 8984048000312738119 (không kiểm tra cụ thể bên trong);

Đối với 0,64 kg thuốc nổ tự chế (Anfo), Cơ quan giám định đã lưu mẫu không hoàn lại cơ quan trưng cầu.

Đối với vật chứng là các điện thoại thu giữ của anh T V D, anh M V C, của chị L T B và của anh B T L. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh D1, anh C, chị B, anh L.

Cáo trạng số 12/CT-VKS-P1 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị can H V D phạm tội: "*Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ*" theo quy định tại khoản 1 Điều 305 của Bộ luật hình sự có quy định mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Do vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai để xét xử theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo H V D từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội: *"Chế tạo, tàng trữ,*

sử dụng trái phép vật liệu nổ";

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo H V D không có tài sản riêng có giá trị và không có thu nhập ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 305 của Bộ luật hình sự;

- Về dân sự: Không;

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ số vật chứng gồm: 01 bình ắc quy loại 12V; 01 thùng nhựa màu xanh; 01 can nhựa màu vàng, dung tích 05 lít, bên trong có chứa 2,5 lít dầu Diesel; Các túi nilon màu trắng.

Tịch thu giao cho cơ quan chuyên trách là Phòng kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lào Cai để xử lý sung quỹ Nhà nước: 50 chiếc kíp nổ vỏ nhôm; 01 cuộn dây điện vỏ nhựa, lõi đồng.

- Trả lại cho bị cáo H V D 01 điện thoại di động cảm ứng OPPO A15s, mầu đen đã qua sử dụng, thân máy có nhiều vết xước.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của người bào chữa: Đối với Quyết định truy tố và tội danh thì người bào chữa đồng ý; đối với bị cáo khi sử dụng vật liệu nổ đã không hoàn thiện các thủ tục cấp phép với cơ quan có thẩm quyền dẫn tới hậu quả đáng tiếc là trong 02 ngày 18/10/2023 và ngày 23/10/2023 bị cáo đã 02 lần dùng thốc nổ Anfo thực biện việc nổ mìn phá đá; Tại phiên tòa ngày hôm nay toàn bộ sự việc được phơi bày một lần nữa; Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có bố đẻ ông H V L tham gia kháng chiến và được Hội đồng Bộ trưởng tặng Huy Ch kháng chiến hạng nhất theo Quyết định só 71/KT-HĐBT ngày 10/6/1986; Về hình phạt bổ sung: Hiện tại hoàn cảnh gia đình H V D rất khó khăn với 03 con nhỏ đang trong độ tuổi ăn học, cả hai vợ chồng đều làm công việc tự do thu nhập không ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt đầu khung 01 năm tù cho hưởng án treo.

- Ý kiến của anh B T L: Tuyến đường liên xã nâng cấp từ thị trấn S đi xã N S đến của khẩu H C P, huyện S, tỉnh Lào Cai có hạng mục phá đá làm đường, anh chơi với Dũng nhà ở phường Bắc Cường, TP Lào Cai được anh T là Giám đốc Công ty TNHH một thành viên xây dựng ATK nhờ thi công phá đá, do chơi với anh D nên D bảo với anh cùng nhau đến nhà anh T nhận làm. Sau khi gặp nhau anh và D cùng thống nhất với anh T nhận làm tuyến phá đá trên bằng văn bản hợp đồng, hợp đồng nay anh đã làm thất lạc. Sau khi thống nhất được nội dung công việc vài ngày sau anh gọi điện cho anh D lên cùng làm, anh và D thỏa thuận với nhau là D chịu trách nhiệm thi công, chỉ đạo thi công và các mặt công việc tại công trường, mỗi tháng trả công cho D 15.000.000 đồng. Sau đó anh nhận được điện thoại của T V D tìm việc làm và D1 có đưa thêm 02 người nữa một người tên là C và một người ban đầu anh không biết tên đến làm (BL 156). Công việc giao cho D là dùng bột nở để thi công, anh không cung cấp kíp nổ cùng phân đạm Ure cho công nhân làm tại công trình, việc anh D khai anh có gửi cá khô trong bao tải cá khô có kíp nổ điện và phân đạm Ure là

không đúng. Anh cũng không hướng dẫn D cách thức tạo thành thuốc nổ Anfo để phá đá như anh D đã khai.

- Ý kiến của anh M V C: Anh là người đi làm thuê cho công trình tại huyện S do anh T V D giới thiệu, thời gian bắt đầu từ tháng 9 năm 2023, nhiệm vụ của anh là sử dụng máy khoan cầm tay để khoan đá, hàng ngày anh cùng anh D1 khoan được từ 10 đến 12 lỗ khoan, ngày 18/10/2023 khi chuẩn bị nổ mìn thì anh D phân công anh với anh D1, anh Ch đi cảnh giới; anh không nhìn thấy anh D làm gì, sau đó anh có nghe thấy tiếng nổ to kèm theo tiếng đất đá rơi khác với mọi hôm. Lần thứ hai vào ngày 23/10/2023 anh D có mặt tại khu vực thi công để chuẩn bị sử dụng vật liệu nổ để thi công phá đá, D phân công anh, anh D1 và anh Ch đi cảnh giới, anh không trực tiếp làm nên không biết việc xử dụng vật liệu nổ, đến khi lực lượng Biên phòng phát hiện thì anh mới biết là D xử dụng vật liệu nổ để phá đá.

- Ý kiến của anh T V D vào khoảng 10 giờ ngày 18/10/2023 anh cùng anh C, anh Ch đang ở công trường nghỉ thì thấy D đi xe máy về có chở theo 01 bao tải xác rắn màu trắng đặt ở giữa xe (vị trí giữa yên xe và tay lái), thấy chúng tôi D dừng xe xuống uống nước và hút thuốc lào, anh và anh C có hỏi cá mắm nhiều không thì D bảo là có bằng đấy thôi, lúc đó anh mới để ý thì thấy có túi cá mắm đựng trong túi nilon màu xanh treo ở dưới tay lái xe phía bên trái, khi đó anh và anh C có hỏi trong bao tải là cái gì đấy thì D bảo là "cái ấy", nhưng anh không hiểu rõ cái ấy là cái gì; ngày 18/10/2023 và ngày 23/10/2023 khi nổ mìn cả 02 lần anh đều có mặt, anh D, anh Ch và anh C ở công trường, cả 02 lần nổ mìn D đều là người phân công, chỉ đạo mọi người đi canh gác, cả hai lần nổ mìn vào ngày 18/10/2023 và ngày 23/10/2023 trước khi nổ mìn khoảng 15 phút thì anh đều trực tiếp nhìn thấy một mình anh D có cho gì đó vào các lỗ khoan ở vị trí nổ mìn (BL565, 566). Ngoài ra anh không biết gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2]. Về tội danh và hình phạt:

Bị cáo H V D là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hiểu được việc chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ mà không có giấy phép là hoạt động bị Nhà nước nghiêm cấm, vi phạm pháp luật nhưng vì làm nghề lao động tự do và muốn có thu nhập cho bản thân và gia đình nên đã lén lút chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ bằng việc trộn đạm Ure với dầu Diesel tạo thành thuốc nổ tự chế (dạng thuốc nổ Anfo) thuộc nhóm vật liệu nổ, thường được dùng để khai khoáng, mở đường ...; Cụ thể: Lần 1: Ngày 18/10/2023, khoảng 11 giờ D một mình về lán lấy khoảng 1,2 kg đạm trộn với dầu Diesel tạo thành thuốc nổ và lấy 02 chiếc kíp nổ

điện, bình ắc quy 12V và 01 cuộn dây điện đem lên công trường và chia đôi số thuốc nổ trên nhồi vào 02 lỗ đã được khoan sẵn, tra mỗi lỗ 01 chiếc kíp nổ, lấy đất lấp miệng lỗ, đấu hai đầu dây điện với 02 kíp nổ điện và phân công C, D1, Ch đi gác đường còn D đấu hai đầu dây điện còn lại vào bình ắc quy cho chập điện để kích nổ mìn phá đá. Lần 2: Chiều ngày 23/10/2023, D lấy 02 kíp nổ điện và 1,8 kg đạm Ure còn lại chộn với dầu Diesel mang lên công trường và lấy khoảng 1,2 kg thuốc nổ vừa chế tạo chia làm 02 phần nhồi vào 02 lỗ khoan, tra mỗi lỗ 01 kíp nổ, rồi phân công C, D1, Ch đi gác đường, còn D ở lại cho chập điện kích nổ. Sau khi nổ mìn xong, D để số thuốc nổ tự chế còn lại và 01 cuộn dây điện ở công trường, mang bình ắc quy về trước, còn C, D1, Ch ở lại dọn dẹp thì bị tổ công tác Đồn biên phòng S phát hiện, lập biên bản thu giữ tại hiện trường 0,64 kg thuốc nổ tự chế, 01 cuộn dây điện. Quá trình làm việc tổ công tác đã thu giữ ngay tại hiện trường 01 túi nilon màu trắng có sọc đỏ, bên trong chứa nhiều hạt nhỏ hình tròn màu trắng có mùi dầu, có trọng lượng 0,64kg D khai là thuốc nổ tự chế; 01 cuộn dây điện lõi đồng được quấn quanh một ống nhựa hình trụ. Thu giữ do D giao nộp 02 túi nilon màu trắng bên trong mỗi túi có 25 ống kim loại hình trụ tròn màu bạc (tổng số 50 ống kim loại hình trụ) mỗi ống kim loại hình trụ tròn có một đầu được gắn với dây dẫn là kíp nổ; 01 bình ắc quy loại 12v, một can nhựa màu vàng bên trong có 2,5 lít chất lỏng là dầu Diesel. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bản kết luận giám định số 81/KL-KTHS ngày 29/10/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và diễn biến tại phiên tòa đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo H V D phạm tội "Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 305 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo D phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tôi 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của bộ luật hình sự vì hoàn thành thực hiện việc chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ vào ngày 18/10/2023 và vào ngày 23/10/2023.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; ngoài ra gia đình bị cáo có bố đẻ là ông H V L là thương binh, được hưởng chính sách của Nhà nước đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và ông H V L còn được Hội đồng bộ trưởng thưởng Huy Ch kháng chiến hạng nhất theo Quyết định số 71/HĐBT ngày 10/6/1986 nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy; Bị cáo D là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo 02 lần sử dụng vật liệu nổ mà không có giấy phép hành nghề theo quy định của pháp luật, nhưng mục đích của bị cáo sử dụng vật liệu nổ để phá đá thi công công trình lấy tiền công chứ không nhằm mục đích gì khác; bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và có bố là ông H V L được Nhà nước tặng thưởng Huy Ch kháng chiến hạng nhất nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; nhưng lại có 01 tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là "Phạm tôi 02 lần trở lên". Việc chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ là nguồn nguy hiểm cao đối với xã hội, chỉ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và có giấy phép hoạt động mới được phép chế tạo, tàng trữ, sử dụng vật liệu nổ; biên bản xác minh (BL 147) thể hiện bị cáo thường xuyên vắng mặt tại địa phương, đi làm ăn xa tại các địa phương khác, khi đi khỏi địa phương không khai báo với chính quyền địa phương. Xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo đi chấp hành hình phạt tù một thời gian để cải tạo bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc vào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt.

Về nguồn gốc vật liệu nổ, quá trình điều tra bị cáo D khai do anh B T L gửi qua xe ô tô khách 16 chỗ, biển kiểm soát 24F-000.22, lái xe là L V H trở từ thành phố Lào Cai đến thị trấn S vào sáng ngày 18/10/2023, đồng thời anh L gọi điện hướng dẫn D cách chế tạo vật liệu nổ để phá đá, Cơ quan điều tra đã làm việc với B T L, quá trình điều tra L không nhận việc gửi vật liệu nổ cho D, không nhận việc hướng dẫn D chế tạo thuốc nổ và sử dụng vật liệu nổ để phá đá, anh L khai chỉ gửi cá khô vào cho D. Cơ quan điều tra đã làm việc với ông Lê Công Trịnh và anh L V H (nhà xe Liên Trịnh) đều xác nhận khoảng tháng 9 và tháng 10 năm 2023 anh L có gửi đồ theo xe khách từ thành phố Lào Cai vào thị trấn S cho D, tuy nhiên ông Trịnh và anh H không xác định được bên trong gửi những đồ vật gì. Ngoài ra D khai D là người hướng dẫn M V C trộn đạm Ure với dầu Diesel để tạo thành thuốc nổ và C là người nhồi thuốc, tra kíp nổ và thực hiện việc nổ mìn. Quá trình điều tra, biên bản đối chất không làm rõ được hành vi sử dụng vật liệu nổ, tại phiên tòa C không nhận là người chế tạo, sử dụng thuốc nổ, không nhận là người nhồi thuốc nổ, tra kíp nổ và kích nổ mìn để phá đá.

- Đối với T V D và L V C cùng đều khai không thấy C chế tạo và sử dụng thuốc nổ. Ngoài ra T V D, M V C, L V C đều khẳng định không được bàn bạc, trao đổi với H V D về việc chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ, không biết nguồn gốc vật liệu nổ do D sử dụng do đâu mà có. Kết quả điều tra cũng như tại phiên tòa không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh C, D1, Ch biết và liên quan đến hành vi phạm tội của H V D. Do vậy không đủ chứng cứ để chứng minh C, D1, Ch đồng phạm với H V D về hành vi chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng.

- Đối với B T L: Bị can D khai 54 kíp nổ và 03 kg đạm Ure là của B T L gửi cho D và hướng dẫn D cách trộn đạm Ure với dầu Diesel để tạo thành thuốc nổ, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa L chỉ thừa nhận gửi cho D cá khô, không thừa nhận gửi cho D 54 kíp nổ và 03 kg đạm Ure như D đã khai. Cơ quan điều tra đã thực hiện các biện pháp nghiệp vụ như trích xuất dữ liệu điện tử điện thoại của D và L để kiểm tra nhưng không phát hiện cuộc gọi, tin nhắn nào liên quan đến việc L gửi kíp nổ, đạm Ure và hướng dẫn D trộn đạm Ure với dầu Diesel để tạo thành thuốc nổ và đã nhiều lần đối chất giữa D và L nhưng không có kết quả. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiếp nhận 01 điện thoại Sam Sung Galaxy A12 mầu đen do chị L T B

vợ của D giao nộp có đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa L và B và L với D1. Cơ quan điều tra tiến hành trích xuất các Fie ghi âm để kiểm tra, nhưng không phát hiện có liên quan đến việc L gửi số vật liệu nổ và hướng dẫn D chế tạo thuốc nổ, cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ không chứng minh được hành vi phạm tội của B T L. Chỉ duy nhất lời khai của H V D nên không đủ căn cứ B T L có liên quan đến hành vi phạm tội của D.

Trong vụ án anh B T L và anh M V C không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án; điện thoại mà Cơ quan điều tra thu giữ đã được trả lại cho anh L và anh C nên Hội đồng xét xử xác định anh B T L và anh M V C là người làm chứng chứ không xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Đối với chị L T B (là vợ của bị cáo D): Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chị B không có liên quan đến hành vi chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ của H V D. 01 chiếc điện thoại di động Sam sung Galaxy A12 màu đen chị B đã giao nộp cho Cơ quan điều tra có ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị B với anh L và giữa D1 với L để trích xuất dữ liệu trong điện thoại, kiểm tra nhưng không phát hiện nội dung cuộc nói chuyện của L liên quan đến hành vi phạm tội của H V D. Ngày 08 tháng 11 năm 2023, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho chị L T B.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo H V D làm nghề lao động tự do, gia đình kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng:

- Vật chứng là: 50 chiếc kíp nổ vỏ nhôm; 01 cuộn dây điện vỏ nhựa, lõi đồng. Xét thấy số vật chứng này là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội, vẫn còn gia trị sử dụng nhưng là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước, giao cho Kho K10, Phòng kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lào Cai quản lý, sử dụng.

- Đối với 0,64 kg thuốc nổ tự chế (Anfo), Cơ quan giám định đã lưu mẫu không hoàn lại cơ quan trưng cầu. Nên không xem xét giải quyết.

- Vật chứng là: 01 bình ắc quy loại 12V; 01 thùng nhựa màu xanh; 01 can nhựa màu vàng, dung tích 05 lít, bên trong có chứa 2,5 lít dầu Diesel; các túi nilon màu trắng. Đối với số vật chứng này đã cũ, bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng; Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Ctịch thu tiêu huỷ.

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng OPPO A15s, mầu đen đã qua sử dụng, thân máy có nhiều vết xước tạm giữ của H V D, trong có 01 thẻ sim của nhà mạng Vietel có số 8984048000312738119 (không kiểm tra cụ thể bên trong); do không chứng minh được là điện thoại và sim do sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; nên cần trả lại cho chủ sở hữu là anh H V D.

Đối với đề nghị của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 (án treo) và xử phạt bị cáo ở mức án đầu khung 01 năm tù cho hưởng án treo không được chấp nhận. Vì bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên; theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018

và điểm c khoản 2 của Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/Nqày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì bị cáo thuộc trường hợp không được hưởng án treo.

[5] Về án phí: Bị cáo H V D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 305; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo H V D phạm tội "Chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo H V D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 31/10/2023

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước và giao cho Kho K10, Phòng kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lào Cai 50 chiếc kíp nổ vỏ nhôm; 01 cuộn dây điện vỏ nhựa, lõi đồng. Các vật chứng này hiện đang được bảo quản tại Kho K10, Phòng kỹ thuật, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai. Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 42/BB – K10, ngày 31 tháng 10 năm 2023 và Lệnh nhập kho vật chứng căn cứ CV 242/ANĐT ngày 31/10/2023 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lào Cai.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 bình ắc quy, hình hộp chữ nhật, chiều rộng 16,5cm, chiều dài 22 cm, chiều cao 21 cm, vỏ bình bằng nhựa màu trắng có hàng chữ GS màu đen, mặt bình màu đen (bình cũ đã qua sử dụng);

+ 01 thùng nhựa màu xanh, bên sườn có chữ dán nhãn hiệu Hưng Huê, viền đen. Trong chiếc thùng nhựa này có 01 túi nilon màu trắng, loại túi dài khoảng 40cm, chiều ngang túi rộng khoảng 5cm, một đầu hở, một đầu dán kín;

+ 01 can nhựa màu vàng, dung tích 05 lít, bên trong có chứa 2,5 lít dầu Diesel; các túi nilon màu trắng. Các vật chứng này hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh H V D 01 điện thoại di động cảm ứng OPPO A15s, mầu đen đã qua sử dụng, thân máy có nhiều vết xước tạm giữ của H V D, trong có 01 thẻ sim của nhà mạng Vietel có số 8984048000312738119 (không

kiểm tra cụ thể bên trong); vật chứng này hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Lào Cai.

4. Về án phí: Bị cáo H V D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- VKSND huyện Si Ma Cai;
- Công an huyện Si Ma Cai;
- Chi cục THA DS huyện Si Ma Cai;
- CQTHA Hình sự CA huyện Si Ma Cai;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: HS, THS, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng